

# Vai trò của động từ trong các văn bản đọc hiểu sách Tiếng Việt lớp 4 Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”

Lê Thị Thu Hoài\*

\*ThS. Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình

Received: 02/8/2024; Accepted: 9/8/2024; Published: 16/8/2024

**Abstract:** This article discusses the role of verbs in the reading comprehension texts found in the Vietnamese Grade 4 textbooks within the "Connecting Knowledge with Life" series. Verbs play a crucial role in conveying the actions and states of various entities such as plants, animals, and objects. This enhances the uniqueness and success of each text, making the messages conveyed to students more vivid, engaging, and deeply resonant. The use of verbs contributes to a natural and relatable narrative, which is also a facet of the rhetorical device of personification.

**Keywords:** 4th grade Vietnamese, verbs, texts, primary education, personification.

## 1. Đặt vấn đề

Cùng với danh từ và tính từ, động từ (ĐT) là một trong những từ loại rất quan trọng của tiếng Việt. Vì vậy, ĐT đã được đưa vào giảng dạy ngay từ lớp 4 - Chương trình Ngữ văn 2018 với những kiến thức sơ giản nhất. Điều đó giúp học sinh tiểu học (HSTH) có cơ hội hiểu rõ đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa của ĐT. Từ đó các em sẽ sử dụng được ĐT vào trong quá trình giao tiếp và học tập.

Sách Tiếng Việt 4- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” do tác giả Bùi Mạnh Hùng - Tổng Chủ biên được biên soạn theo yêu cầu đổi mới của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Bộ sách là kết quả tâm huyết của các tác giả với mong muốn mang đến cho HSTH những kiến thức đơn giản dễ hiểu nhất về văn học và tiếng Việt. Giúp các em có được những say mê, khám phá, trải nghiệm trong cuộc sống qua đó thêm yêu văn học và tiếng Việt. Sách đã sử dụng 62 văn bản làm ngữ liệu để thiết kế các hoạt động dạy học. Trong đó có 16 văn bản thơ, 40 văn bản truyện và văn bản miêu tả, 1 văn bản kịch, 5 văn bản thông tin chưa kể các văn bản trong các phần ôn tập giữa kì và cuối kì. Các văn bản này có rất nhiều ĐT, đặc biệt là các ĐT chỉ hoạt động trạng thái của vật.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khảo sát số lượng ĐT trong các VBDH - sách Tiếng Việt lớp 4- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”

Để tìm hiểu vai trò của các ĐT trong các văn bản đọc - hiểu (VBDH) - sách Tiếng Việt 4- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các loại ĐT trong từng kiểu loại văn bản.

Chúng tôi không khảo sát các ĐT trong các

VBDH của phần ôn tập giữa kì và cuối kì. Như vậy có tổng số 62 văn bản đọc hiểu được khảo sát.

Việc xem xét một từ thuộc về từ loại ĐT hay không cần phải căn cứ đồng thời vào 3 đặc điểm: ý nghĩa ngữ pháp khái quát, chức năng ngữ pháp, khả năng kết hợp. Trong quá trình khảo sát các ĐT, chúng tôi luôn luôn bám sát vào các đặc điểm này. Kết quả là việc thống kê các ĐT sẽ theo từng văn bản. Do đó sẽ xảy ra trường hợp, một ĐT sẽ xuất hiện rất nhiều lần trong các văn bản khác nhau.

Kết quả khảo sát như sau: (1) Văn bản thơ có 248 số lần xuất hiện các ĐT. (2) Văn bản văn xuôi 1532 số lần xuất hiện các ĐT. (3) Văn bản thông tin 116 số lần xuất hiện các ĐT. (4) Văn bản kịch 32 số lần xuất hiện các ĐT.

Việc thống kê như vậy cũng phù hợp với quan điểm của người biên soạn sách nói riêng và chương trình nói chung. Đó là việc học kiến thức tiếng Việt nhằm vào mục đích sử dụng, mục đích giao tiếp.

### 2.2. Vai trò của ĐT chỉ hoạt động, trạng thái của vật trong các VBDH

ĐT được khảo sát trong các VBDH của sách Tiếng Việt 4- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” cũng đảm bảo những đặc điểm ngữ pháp ngữ nghĩa nói chung. Tuy nhiên, trong mỗi ngữ cảnh giao tiếp khác nhau, các ĐT lại thể hiện được những giá trị ngữ nghĩa và đặc trưng ngữ pháp của mình. Ngoài chức năng chỉ hoạt động trạng thái của người, ĐT còn chỉ hoạt động trạng thái của vật. Đây cũng chính là cơ sở để tạo nên phép nhân hóa.

Trong số các VBDH được khảo sát, có rất nhiều văn bản có sử dụng phép nhân hóa.

Về thơ có các văn bản như: *Bầu trời trong quá trình, Quả ngon cuối mùa, Bước mùa xuân...*

Văn bản tự sự và miêu tả: *Thi nhạc, Thần lẫn xanh và tắc kè, Đò ngang, Bầu trời mùa thu, Chiều ngoại ô...*

Nhân hóa là “*gọi hoặc kể, tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên, ... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc kể, tả người; làm cho chúng trở nên gần gũi, sinh động hơn.*” [1, 79]

Các tác giả đã kể, tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên... bằng cách sử dụng những ĐT vốn để chỉ hoạt động, trạng thái của người. Biện pháp nghệ thuật này đã mang lại cho HSTH cảm xúc thật đặc biệt. Vạn vật như có linh hồn, biết trò chuyện, biết yêu thương, biết ước mơ, khám phá, biết hạnh phúc, biết chia sẻ... Chú gà con trong “*Bầu trời trong quả trứng*” như một bạn nhỏ kể với các bạn về hai giai đoạn của cuộc đời mình. Giai đoạn 1, lúc còn nằm trong quả trứng, gà con chỉ thấy bầu trời bên trong là một màu nâu, không có nắng, không có gió, không có lắm sắc màu. Giai đoạn 2, lúc gà con đã nở, bước ra thế giới bên ngoài, chú nhìn thấy bao điều lạ lẫm: nhiều gió lộng, nắng reo, biết là có mẹ, biết yêu thương.. Trong vỏ trứng, chú gà con chẳng biết làm gì nhưng đến khi bước ra thế giới bên ngoài, chú đã biết thêm bao điều thật thú vị. Mỗi ngày là một sự trải nghiệm mới, khám phá mới, cảm xúc mới: “*Tôi đập vỡ màu nâu/Bầu trời trong quả trứng/ Bỗng thấy nhiều gió lộng/ Bỗng thấy nhiều nắng reo/ Bỗng tôi thấy thương yêu/ Tôi biết là có mẹ.*” [1, 40] ĐT “*thương yêu*” chỉ trạng thái của chú gà con khi được bước ra thế giới bên ngoài. Chú cảm nhận được tình yêu thương của mẹ. Mẹ đã chờ đợi, đã yêu thương gà con từ rất lâu rồi. Chú gà con giống như các bạn nhỏ đang ngày một khôn lớn trưởng thành. Các em sẽ được sống trong tình yêu thương của cha mẹ, thầy cô ... để được học tập, khám phá và tìm hiểu sự kì diệu của cuộc sống.

Với chủ đề “*Sống để yêu thương*”, tác giả Võ Thanh An trong bài thơ “*Quả ngon cuối mùa*” đã gửi tới các em thông điệp thật ý nghĩa và sâu sắc về sự biết ơn, sự yêu thương. Hình ảnh người bà hiện lên thật bình dị, gần gũi. Thời gian qua đi, con cháu lớn khôn trưởng thành cũng là lúc tóc bà đã nhuộm màu sương gió. Bà thật cô đơn vì “*vắng con xa cháu*” nhưng có gì ngon nhất bà cũng để dành cho con cháu, có chùm quả ngon bà vẫn “*giữ*” để “*chờ con, phần cháu*” rồi ngày ngày lại lo lắng trông coi: lo thời tiết “*swong táp*” lo chim ăn... Vậy nên “*quả vàng*” cũng như thấu hiểu được tấm lòng của bà nên: “*Mãi mê góp mật, chuyên cần tỏa hương*” [2,20].

ĐT “*mãi mê*” chỉ trạng thái của con người, được tác giả dùng để chỉ trạng thái của chùm quả. Bao nhiêu yêu thương, nhớ nhung bà gửi gắm vào “*quả ngọt*”. Quả càng ngọt, càng ngon bao nhiêu thì tình thương của bà dành cho con cho cháu càng nhiều bấy nhiêu. Tình yêu thương của bà đã kết thành trái ngon trái ngọt. Mặc dù “*cuối mùa*” nhưng vẫn “*mãi mê góp mật*” để “*tỏa hương*” cho đời.

Không chỉ các văn bản thơ, trong các văn bản tự sự hay miêu tả, các tác giả cũng sử dụng biện pháp nhân hóa bằng cách sử dụng các ĐT chỉ hoạt động trạng thái của người để kể, miêu tả hoạt động trạng thái vật.

Với tác phẩm “*Thi nhạc*” trong chủ đề “*Mỗi người một vẻ*” - chủ đề đầu tiên của chương trình, tác giả Nguyễn Phan Hách đã miêu tả tài năng âm nhạc của các con vật thật độc đáo, ấn tượng. Tuy khác nhau nhưng các bản nhạc đều say mê, cuốn hút. Học trò ve sầu như một nghệ sĩ đang trình bày bản nhạc cổ điển nên có trang phục và dụng cụ thật đặc trưng cho dòng nhạc này: áo măng tô trong suốt, đàn vi - ô - lông, cla-ri-net, xen-lô. Hoa phượng, ánh nắng, bầu trời xanh mênh mông đặc trưng cho mùa hè được gọi ra từ bản nhạc. Còn mùa thu, không khí mát mẻ, dịu dàng, lá vàng khô rơi trong gió, trong nắng nhẹ nhàng vàng óng lại được hiện lên qua bản nhạc “*Mùa thu*” của chú dế mèn. “*Đến lượt dế mèn. Dế bước ra khô thoáng và trang nhã trong chiếc áo nâu óng. Bản nhạc “Mùa thu” gọi hình ảnh những chiếc lá khô xoay tròn, rơi rơi trong nắng. Tiếng gió xào xạc thầm thì với lá...*” [1, 12-13]. Học trò dế mèn đã trình bày bản nhạc phù hợp với năng lực sở trường của mình. Tiếng dế mèn kêu ri ri trong những đêm thanh tĩnh của mùa thu cũng mang lại cho mỗi người những cảm xúc thật đặc biệt. Đến mùa xuân, mùa của sự đâm chồi nảy lộc, vạn vật sinh sôi nảy nở, muôn loài ca hát vang lừng lại có tiếng ca của chim họa mi: “*Trong tà áo dài thướt tha, họa mi trông thật dịu dàng, uyển chuyển. Bản nhạc “Mùa xuân” vang lên réo rắt, say đắm, rồi dần chuyển sang tiết tấu rạo rục, tung bừng...*” [1, 13] Chim họa mi đúng là nghệ sĩ của mùa xuân. Mỗi lần họa mi cất tiếng hót, mọi vật đều biết mùa xuân đang về. Tiếng hót của họa mi làm cảnh vật bừng tỉnh, tiếng hót gọi sức sống trở dậy khắp muôn nơi. Tiếng hót mang lại hạnh phúc cho muôn loài. Họa mi như một nữ nghệ sĩ đang say sưa thả hồn vào bản nhạc.

Ngoài những học trò nêu trên, “*thầy vàng anh*” còn có một học trò thật đặc biệt. Mỗi ngày, học trò

này đều cất vang tiếng gáy gọi bình minh thức dậy báo hiệu một ngày đã đến: “Sau ve sầu, gà trống đĩnh đạc bước lên, kiêu hãnh ngẩng đầu với cái mũ đỏ chói. Gà mở đầu khúc nhạc “Bình minh” bằng tiết tấu nhanh, khỏe đầy hứng khởi: Tờ-rec...tờ-re-te-te...Phần cuối bản nhạc là niềm mãn nguyện khi thấy mặt trời lên rực rỡ. Tiết tấu trở nên vui nhộn khi gà sử dụng bộ gõ: Cúc-cúc!..Cúc- cúc!..Cúc-cúc!..” [1, 12]. Với các ĐT “kiêu hãnh, ngẩng, mở đầu, sử dụng”, gà trống được miêu tả giống như một nam nhạc công chuyên nghiệp đang biểu diễn khúc nhạc chỉ riêng mình có.

Mỗi một học trò đều có những bài thi thật xuất sắc, bộc lộ được tài năng riêng có của bản thân mình. Vì vậy mà mỗi khi một học trò thi xong “thầy giáo vàng anh” đều có những cảm xúc đặc biệt thể hiện qua các chi tiết như: “Thầy giáo xúc động, cúi xuống ghi điểm”, “Đôi mắt thầy vàng anh nhòa đi” - thầy xúc động đến trào nước mắt. Các học trò đã phát huy được thể mạnh sở trường của bản thân mình làm thầy thật vui, tự hào, cảm động. Thông điệp mà câu chuyện muốn gửi tới các em đó là: hãy tạo dựng tài năng riêng có của mình dựa vào năng lực sở trường của bản thân.

Với chủ đề “Niềm vui sáng tạo” bầu trời mùa thu trong văn bản cùng tên được các bạn HS nước Nga miêu tả với rất nhiều tâm trạng, hoạt động giống như con người: “Bầu trời xanh như mặt nước mội mội trong ao”, “Bầu trời được rửa mặt sau cơn mưa”, “Bầu trời buồn bã”, “Bầu trời trầm ngâm.”, “Bầu trời ghé sát mặt đất...” [1, 89]. Bằng các ĐT: “rửa, cúi, mội mội, nhớ, ghé” bầu trời mùa thu nước Nga được miêu tả thật sinh động và gần gũi, thể hiện sự sáng tạo độc đáo của mỗi bạn nhỏ trong lớp học.

Nếu như bầu trời mùa thu nước Nga được miêu tả thật sinh động qua cách cảm nhận của HS thì buổi chiều mùa hè ở ngoại ô đất nước Việt Nam cũng có những nét đặc sắc. Không khí mát mẻ yên tĩnh, nắng chiều dịu nhẹ. Đi dạo cùng các bạn dọc con kênh, các bạn nhỏ thấy được vẻ đẹp đặc trưng của làng quê Việt Nam: con kênh trong vắt, hai bên bờ kênh là dải cỏ xanh như tấm thảm, những ruộng rau muống xanh mơn mớn lấp lánh hoa màu tím, rặng tre xanh “thì thắm” trong gió, đồng lúa chín vàng mênh mông, trên khoảng trời bao la những đám mây trắng “vui đùa đuổi nhau”, chim sơn ca cất tiếng hót trong rặng chiều vàng ửng, không gian thơm hương đất, hương sen, hương lúa...Cảnh vật hiện lên thật êm đềm thơ mộng khiến cho con người không thể không “ao ước

giá mình có đôi cánh” để tự do bay lượn với những ước ao của tuổi thơ. Tác giả đã sử dụng phép nhân hóa khi miêu tả rặng tre đứng đưa trong gió như đang “thì thắm” và những áng mây trắng trôi trên bầu trời mùa hè như đang “vui đùa đuổi nhau” làm cho cảnh vật buổi chiều ngoại ô trở nên sinh động và có hồn.

Đất nước Việt Nam thật tươi đẹp. Tất cả đang chờ đợi các em trưởng thành để khám phá, xây dựng... Các em hãy hiểu rằng “Mỗi người mỗi vẻ” nhưng nếu biết phát huy được năng lực sở trường của bản thân thì các em sẽ thành công. Muốn vậy, các em hãy biết “Trải nghiệm và khám phá” các em sẽ có những “Niềm vui sáng tạo” để “Chấp cánh ước mơ” của mình. Bộ phóng của các em chính là gia đình, quê hương, đất nước nên các em hãy “Sống để yêu thương”, hãy “Uống nước nhớ nguồn”. Luôn có “Quê hương trong tôi” các em sẽ đạt được những điều mình mong muốn và có ý nghĩa. “Vì một thế giới bình yên” các em sẽ có cuộc sống hòa bình, hạnh phúc. Vì thế các em hãy xác định mình không chỉ là công dân của đất nước Việt Nam mà các em còn là công dân toàn cầu. Đó là những thông điệp nhẹ nhàng sâu sắc mà các VBĐH trong sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” muốn gửi tới các em. Một trong những phương tiện ngôn ngữ giúp các tác giả truyền tải thành công các thông điệp đó chính là các ĐT.

### 3. Kết luận

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng bậc nhất của con người. Ngôn ngữ và tư duy có mối quan hệ gắn bó với nhau. Muốn phát triển tư duy thì ngôn ngữ cũng phải phát triển và ngược lại. Do vậy trạng bị kiến thức tiếng Việt cho HSTH là việc làm cần thiết. Với những kiến thức sơ giản về tiếng Việt trong đó có kiến thức về từ loại ĐT trong sách Tiếng Việt 4- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, HSTH sẽ tiếp nhận những hiểu biết cơ bản nhất về một từ loại quan trọng trong tiếng Việt. Qua đó các em sẽ hiểu hơn những thông điệp mà các VBĐH trong chương trình hướng tới.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 1 ( Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 2 ( Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Đỗ Ngọc Thông (Tổng chủ biên) (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.